

Bản án số: 32/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 04 - 7 - 2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thúy Kiều.

2. Ông Hồ Quốc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần D, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 06/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị T trình bày:

Vào năm 2010, bà T và ông D kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà T và ông D sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần D.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông D có 02 người con chung tên Trần K, sinh ngày 27/12/2011 và Trần T, sinh ngày 12/12/2015. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần T, sinh ngày 12/12/2015 và không yêu cầu ông D

phải cấp dưỡng nuôi con; bà đồng ý giao cháu Trần K, sinh ngày 27/12/2011 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Trần K, sinh ngày 27/12/2011 cho ông D được trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; Giao con chung Trần T, sinh ngày 12/12/2015 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng và ông D không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị T xác định trong thời gian chung sống bà Võ Thị T và ông Trần D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần D.

Bên cạnh đó, bà Võ Thị T vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Võ Thị T.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Trần D có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định từ Điều 9 đến Điều 14 của Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2000 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị T và ông Trần D là hợp pháp.

Bà Võ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Trần D. Xét yêu cầu của bà Võ Thị T Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý cho ông Trần D và giữa bà Võ Thị T, ông Trần D từ khi sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với biên bản xác minh ngày 17/5/2022 về tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị T, ông Trần D của Tòa án nhân dân huyện Long Phú. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị T và ông Trần D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T được ly hôn với ông Trần D.

[3] Về con chung: Bà Võ Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần T, sinh ngày 12/12/2015 và giao cháu Trần K, sinh ngày 27/12/2011 cho ông D được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Thảo đang sống với T, cháu Kim đang sống với ông D và cháu Kim cũng có nguyện vọng được sống với ông D và để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Kim, cháu Thảo. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần T, sinh ngày 12/12/2015 và ông D là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần K, sinh ngày 27/12/2011 là có căn cứ.

Ông Trần D có quyền thăm nom cháu Trần T, sinh ngày 12/12/2015 không ai được cản trở và bà Võ Thị T có quyền thăm nom cháu Trần K, sinh ngày 27/12/2011 theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Võ Thị T, ông Trần D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần T, sinh ngày 12/12/2015 và cháu Trần K, sinh ngày 27/12/2011 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T, ông D không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà Võ Thị T cho rằng trong thời gian chung sống bà và ông Trần D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà Võ Thị T và ông Trần D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Trần D được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1. Bà Võ Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần T, sinh ngày 12/12/2015. Ông Trần D có quyền thăm nom cháu Trần T, sinh ngày 12/12/2015 không ai được cản trở.

Bà Võ Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trần D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần T, sinh ngày 12/12/2015.

2.2. Ông Trần D người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần K, sinh ngày 27/12/2011. Bà Võ Thị T có quyền thăm nom cháu Trần K, sinh ngày 27/12/2011 không ai được cản trở.

Ông Trần D cùng các thành viên trong gia đình không được cản bà Võ Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần K, sinh ngày 27/12/2011.

3. Về tài sản chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003378 ngày 29/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú. Như vậy, bà Võ Thị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS, VP).

Dương Thị Thanh Hoa